

BẢN TIN PHÁP LUẬT AFA

Tháng 8/2019



Văn bản pháp luật mới

1. Thông tư số 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp

Ngày 08.08.2019 vừa qua, Bộ Tài chính đã ban hành **Thông tư số 48/2019/TT-BTC** (TT48) hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Thông tư này làm hết hiệu lực **Thông tư 228/2009/TT-BTC** (TT228), **Thông tư 34/2011/TT-BTC** (TT34), **Thông tư 89/2013/TT-BTC** (TT89).

Thông tư này có hiệu lực kể từ **#ngày_10_10_2019** và **áp dụng từ năm tài chính 2019**.

AFA xin tóm tắt một số điểm mới của TT48 so với các thông tư trước đây như sau:

1.1 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

TT48 nhấn mạnh việc phân định giữa mục đích thuế và kế toán. Theo đó, TT48 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng **làm cơ sở xác định khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp** theo quy định.

Việc trích lập các khoản dự phòng cho mục đích **lập và trình bày báo cáo tài chính** của các tổ chức kinh tế thực hiện theo pháp luật về kế toán.

1.2 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO:

1.2.1. Đối tượng trích lập:

- Bổ sung: hàng mua đang đi đường, hàng gửi đi bán, hàng hóa kho bảo thuế;
- Bãi bỏ đối tượng: sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang;
- Quy định về “*Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó*” của TT 228 bị bãi bỏ.
- **Lưu ý:** Thay đổi về đối tượng trích lập trên chỉ áp dụng đối với mục đích tính thuế, đối với mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính theo kế toán, vẫn áp dụng theo quy định về pháp luật kế toán.

1.2.2. Mức trích lập: Không có thay đổi.

1.3 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG TỔN THẤT CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

1.3.1. Đối tượng trích lập:

Điểm mới: Doanh nghiệp **không trích lập dự phòng rủi ro cho khoản đầu tư ra nước ngoài**. Chỉ được trích lập rủi ro đối với các khoản đầu tư tài chính trong nước.

Số dư dự phòng các khoản đầu tư ra nước ngoài mà doanh nghiệp đã trích lập đến trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì hành được hoàn nhập, ghi giảm chi phí tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2019.

- **Lưu ý:** Thay đổi về đối tượng trích lập trên chỉ áp dụng đối với mục đích tính thuế, đối với mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính theo kế toán, vẫn áp dụng theo quy định về pháp luật kế toán.

1.3.2. Mức trích lập:

- Đối với **chứng khoán niêm yết:** quy định chung giá chứng khoán thực tế tính theo **giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch** tính đến thời điểm lập BCTC năm, khác với trước đây (TT228) phân ra cách xác định khác nhau cho chứng khoán niêm yết trên sàn HNX hay sàn HOSE.

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là **giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất** trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

- Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng **30 ngày** trước ngày trích lập dự phòng, hoặc trường hợp tại ngày trích lập dự phòng, chứng khoán bị **hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch** doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán *trong tự như khoản đầu tư khác.*

- Bổ sung hướng dẫn xác định giá thị trường đối với **trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp.** Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì doanh nghiệp không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

- Đối với các **khoản đầu tư khác:** Mức trích lập được căn cứ trên **báo cáo tài chính riêng** của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp góp vốn. (Trước đây TT228 không quy định rõ điểm này)

Lưu ý: Thay đổi về căn cứ trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư khác trên chỉ áp dụng đối với mục đích tính thuế, đối với mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính theo kế toán, vẫn áp dụng theo quy định về pháp luật kế toán.

- Trường hợp tổ chức kinh tế nhận vốn góp không lập báo cáo tài chính **cùng thời điểm** thì doanh nghiệp **không được thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này**; ngoại trừ các trường hợp sau, doanh nghiệp được thực hiện trích lập dự phòng căn cứ theo **báo cáo tài chính quý gần nhất** của tổ chức kinh tế nhận vốn góp:

+ Tổ chức kinh tế nhận vốn góp đã ngừng hoạt động và đang chờ xử lý (giải thể, phá sản).

+ Tổ chức kinh tế nhận vốn góp được phép lập báo cáo tài chính khác thời điểm theo quy định.



1.4 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI:

1.4.1. Đối tượng trích lập:

Điểm mới: Làm rõ, bổ sung các khoản nợ phải thu trích lập dự phòng bao gồm cả các **khoản doanh nghiệp đang cho vay** và **khoản trái phiếu chưa đăng ký giao dịch** trên thị trường chứng khoán mà doanh nghiệp đang sở hữu.

Việc xác định thời hạn quá hạn thanh toán để trích lập dự phòng được tính theo **thời hạn trả nợ gốc ban đầu** theo hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến thời gian gia hạn trả nợ giữa các bên. Quy định này thống nhất với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành. Trước đây TT228 không đề cập.

1.4.2. Chứng từ gốc làm căn cứ trích lập:

Điểm mới: Trường hợp không có Đối chiếu công nợ **được xác nhận** bởi bên nợ, doanh nghiệp được sử dụng văn bản đề nghị đối chiếu xác nhận công nợ/văn bản đòi nợ do doanh nghiệp **đã gửi**.

Cụ thể, Điểm a, Khoản 1 Điều 6 TT48 quy định:

- Đối chiếu công nợ; trường hợp không có đối chiếu công nợ thì phải có văn bản đề nghị đối chiếu xác nhận công nợ hoặc văn bản đòi nợ do doanh nghiệp đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát);

=> Đây là điểm mới, tháo gỡ lớn cho các trường hợp con nợ “không chịu” ký Biên bản đối chiếu công nợ với Doanh nghiệp.

Bổ sung nội dung: Khi trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của một đối tượng nợ có phát sinh cả nợ phải thu và nợ phải trả, căn cứ biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên để doanh nghiệp trích lập dự phòng trên cơ sở số còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả của đối tượng này.

1.4.3. Mức trích lập dự phòng đối với các doanh nghiệp nói chung:

Không thay đổi, cụ thể:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

1.4.4. Mức trích lập riêng đối với một số doanh nghiệp đặc thù:

Điểm mới: Đối với doanh nghiệp kinh doanh **dịch vụ viễn thông** và doanh nghiệp kinh doanh **bán lẻ hàng hóa**, khoản nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau và khoản nợ phải thu do bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các đối tượng nợ là cá nhân đã quá hạn thanh toán mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 6 tháng.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 9 tháng.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 9 tháng đến dưới 12 tháng.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 12 tháng trở lên.

1.4.5. Đối với trường hợp trích lập dự phòng công nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán:

Điểm mới: Mở rộng và làm rõ trường hợp được phép trích lập dự phòng công nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán.

Điểm c, Khoản 2 Điều 6 TT48 quy định:

*Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc **đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện)** hoặc đã chết hoặc **khoản nợ đã được doanh nghiệp yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án** thì doanh nghiệp tự dự kiến mức tổn thất không thu hồi được (tối đa bằng giá trị khoản nợ đang theo dõi trên sổ kế toán) để trích lập dự phòng.*

1.4.6. Bổ sung quy định:

Doanh nghiệp **không thực hiện trích lập dự phòng** khoản nợ phải thu quá thời hạn thanh toán phát sinh từ khoản **lợi nhuận, cổ tức được chia do góp vốn đầu tư** vào các doanh nghiệp khác.

1.4.7. Xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi:

Bổ sung thêm các trường hợp:

- Khoản nợ phải thu đã được trích lập 100% dự phòng (đối với các doanh nghiệp bình thường) mà sau 03 năm tính từ thời điểm doanh nghiệp trích lập đủ 100% dự phòng mà vẫn chưa thu hồi được nợ.
- Khoản nợ phải thu đã được trích lập 100% dự phòng (đối với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông và doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ hàng hóa) mà sau 01 năm tính từ thời điểm doanh nghiệp trích lập đủ 100% dự phòng mà vẫn chưa thu hồi được nợ.

1.5 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BẢO HÀNH SẢN PHẨM, HÀNG HÓA, DỊCH VỤ, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điểm mới: Bổ sung **DỊCH VỤ** vào đối tượng được trích lập dự phòng.



Công văn mới cần lưu ý

- 1. Công văn số 3007/TCT-CS ngày 01.08.2019 của Tổng cục Thuế về thuế GTGT**

Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01/11/2018. Cơ sở kinh doanh và cơ quan thuế có thời hạn 24 tháng từ **ngày 11/1/2018 đến ngày 11/1/2020** để chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất và con người để áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 119/2018/NĐ-CP. Trong thời gian từ 1/11/2018 đến ngày 31/10/2020, các Nghị định 51/2010/NĐ-CP và Nghị định 04/2014/NĐ-CP của Chính phủ vẫn còn hiệu lực thi hành.

Vừa qua, Quốc Hội đã thông qua **Luật Quản lý thuế số 38/QH14/2019**, tại Chương X Luật Quản lý thuế cũng có quy định về việc áp dụng hóa đơn, chứng từ điện tử. Tại Điều 151 Luật Quản lý thuế quy định hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật này có hiệu lực thi hành từ **ngày 01 tháng 7 năm 2022**; khuyến khích cơ quan tổ chức, cá nhân áp dụng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật này trước ngày 01 tháng 7 năm 2022.

Để triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế, Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 38/QH14/2019.
- 2. Công văn số 3082/TCT-DNNCN ngày 06.08.2019 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế TNCN**

Công ty cổ phần **không giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán** do vậy, **giá chuyển nhượng** cổ phần của công ty được **căn cứ vào giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng** hoặc **giá thực tế chuyển nhượng** hoặc **giá theo sổ sách kế toán** của đơn vị có chứng khoán chuyển nhượng tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất theo quy định của pháp luật về kế toán trước thời điểm chuyển nhượng.

Trong trường hợp Cơ quan thuế có căn cứ xác định giá chuyển nhượng khai thuế TNCN chưa phù hợp và có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế có thể ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.
- 3. Công văn số 3042/TCT-CS ngày 02.08.2019 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế TNDN**

Trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động và được hưởng ưu đãi thuế TNDN có **bổ sung ngành nghề kinh doanh thương mại** mà doanh nghiệp **không tăng vốn, không thực hiện đầu tư mở rộng** để tăng tài sản thì thu nhập từ hoạt động thương mại được **bổ sung không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.**
- 4. Công văn số 3125/TCT-CS ngày 08.08.2019 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế nhà thầu đối với lĩnh vực hàng không**

Trường hợp Công ty là **đại lý bán vé máy bay** của Hãng hàng không nước ngoài (*không có Văn phòng đại diện tại Việt Nam*) thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ số thuế nhà thầu (thuế TNDN) tính trên doanh thu tính thuế nhà thầu của Hãng hàng không nước ngoài là **toàn bộ doanh thu bán vé hành khách, vận đơn hàng không và các khoản thu khác** (trừ những khoản thu hộ Nhà nước hoặc tổ chức theo quy định của pháp luật) tại Việt Nam, bao gồm cả chặng từ Việt Nam ra nước ngoài, từ nước ngoài đến Việt Nam và theo chặng cả đi và đến ở nước ngoài.

Trường hợp Công ty **thuê chuyên bay** của Hãng hàng không nước ngoài (*không có Văn phòng đại diện tại Việt Nam*) thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ số thuế nhà thầu (thuế TNDN) tính trên doanh thu tính thuế nhà thầu là **toàn bộ doanh thu đối với hợp đồng thuê chuyên** mà Hãng hàng không nước ngoài nhận được.



5. Công văn số 3002/TCT-DNL ngày 01.08.2019 của Tổng cục Thuế hướng dẫn xác định chi phí lãi vay theo khoản 3 Điều 8 Nghị định 20/2017/NĐ-CP
- Đối tượng áp dụng quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP là NNT có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, trừ trường hợp NNT là đối tượng áp dụng của Luật các tổ chức tín dụng và Luật kinh doanh bảo hiểm.
 - Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của NNT được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP được tính trên **tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ**, không phân biệt chi phí lãi vay phát sinh từ giao dịch vay với **bên liên kết** hay **bên độc lập** và **không bù trừ với doanh thu lãi tiền gửi, lãi tiền vay**.
 - Về việc xác định chi phí lãi vay được trừ để xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP trong năm tài chính 2017:
 - + Áp dụng quy định đối với chi phí lãi vay **phát sinh từ ngày 01/5/2017 trở đi đến hết năm tài chính**, không phân biệt hợp đồng vay được ký kết trước hay sau ngày 01/5/2017;
 - + Trường hợp NNT **hạch toán theo dõi riêng được** kết quả kinh doanh từ 01/5/2017 đến hết năm tài chính thì các chỉ tiêu để tính “Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ” được xác định theo **số liệu phát sinh thực tế**;
 - + Trường hợp NNT **không hạch toán theo dõi riêng được** kết quả kinh doanh từ ngày 01/5/2017 đến hết năm tài chính thì các chỉ tiêu để tính “Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ” được **phân bổ tương ứng với số tháng còn lại** của năm tài chính kể từ ngày 01/5/2017.
6. Công văn số 2813/TCT-DNNCN của Tổng cục Thuế về hồ sơ hoàn thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập
- Trường hợp tổ chức trả thu nhập đã thực hiện nộp thuế TNCN theo phương thức điện tử khi có nhu cầu hoàn thuế TNCN thì nộp hồ sơ đề nghị hoàn theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 23 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/8/2015 của Bộ Tài chính, trong đó bản chụp chứng từ, biên lai nộp thuế thu nhập cá nhân được thay bằng **chứng từ giấy được chuyển đổi từ chứng từ điện tử** theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.
7. Công văn số 2875/TCT-DNNCN ngày 22.07.2019 của Tổng cục Thuế hướng dẫn về thuế TNCN
- Trường hợp khách hàng là cá nhân đạt doanh số được thưởng một chuyến du lịch (*không phải bằng tiền*) theo chương trình khuyến mại được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ thì được xác định là **thu nhập từ quà tặng không thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu nên không chịu thuế TNCN**.



8. Công văn số 2722/TCT-CS ngày 08.07.2019 của Tổng cục Thuế về thuế và hóa đơn

Trong thời gian bị **cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng**, nếu người nộp thuế có **văn bản đề nghị sử dụng từng hóa đơn lẻ** cho từng lô hàng, hạng mục công trình hoàn thành để có nguồn thanh toán tiền lương công nhân, thanh toán các khoản chi phí đảm bảo sản xuất kinh doanh được liên tục thì Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện tiếp tục cho người nộp thuế sử dụng từng hóa đơn lẻ với điều kiện người nộp thuế có **văn bản cam kết thực hiện nộp ngay 18% doanh thu trên hóa đơn lẻ** được sử dụng vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp trong thời gian cơ quan thuế ban hành Quyết định cưỡng chế nợ thuế bằng hình thức thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng không thuộc trường hợp không phải kê khai theo quy định tại khoản c, Điều 10 Thông tư số 56/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính, do đó người nộp thuế **vẫn phải kê khai thuế** theo quy định.

Theo trình bày của Cục Thuế tại công văn số 1395/CT-TTr ngày 7/3/2019: doanh nghiệp có phát sinh doanh thu bán hàng hoá, doanh thu từ hoạt động xây dựng cơ bản trong thời gian bị cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng, nếu Công ty **chưa xuất hoá đơn cho khách hàng và chưa thực hiện kê khai thuế GTGT** nhưng có kê khai quyết toán thuế TNDN đối với doanh thu phát sinh trong thời gian bị cưỡng chế thì Công ty bị **xử phạt đối với hành vi bán hàng không xuất hoá đơn** và bị **xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đối với hành vi khai sai khai thiếu thuế phải nộp**. Ngoài ra, Công ty bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi bán hàng

không lập hoá đơn trong thời gian cơ quan thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng theo quy định.

9. Công văn số 2875/TCT-DNNCN ngày 22.07.2019 của Tổng cục Thuế hướng dẫn về thuế TNCN

Trường hợp khách hàng là cá nhân đạt doanh số được thưởng một chuyến du lịch (*không phải bằng tiền*) theo chương trình khuyến mại được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ thì được xác định là **thu nhập từ quà tặng không thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu nên không chịu thuế TNCN**.

10. Công văn số 53582/CT-TTHT ngày 08.07.2019 của Cục thuế Hà Nội về xác định chi phí được trừ khi mua hàng trực tuyến

10.1. Trường hợp Công ty Việt Nam thực hiện **mua phần mềm qua website của nhà cung cấp nước ngoài** thì:

- Công ty có trách nhiệm **khấu trừ, kê khai nộp thay thuế nhà thầu** theo quy định.

- Công ty được hạch toán vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN đối với khoản chi phí mua phần mềm nếu đáp ứng điều kiện theo quy định. Trường hợp **không có hóa đơn** đáp ứng theo quy định của Việt Nam (do các nhà cung cấp nước ngoài không sử dụng hóa đơn tại Việt Nam) thì **phải có tờ khai và chứng từ nộp thuế nhà thầu nước ngoài** theo quy định.

10.2. Trường hợp Công ty Việt Nam thực hiện **đặt phòng khách sạn qua các website cung cấp dịch vụ đặt phòng** tại Việt Nam của nước ngoài như Agoda, Booking.com... thì **các khách sạn có trách nhiệm lập hóa đơn** đối với dịch vụ cung cấp cho Công ty theo quy định. Chi phí đặt phòng này được xác định là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nếu đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC.



LUÔN ĐỒNG HÀNH CÙNG DOANH NGHIỆP

Ông Nguyễn Trọng Hiếu CPA, MBA

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Mobile: 0914 015 678

Email: hieu.nt@afac.com.vn

Ông Phạm Quang Trung CPA, MBA

Tổng Giám đốc

Mobile: 0935 58 3456

Email: trung.pq@afac.com.vn/
trung.afa@gmail.com

Ông Nguyễn Hải Nam MEng

Phó Tổng Giám đốc

Mobile: 0916 020 113

Email: nam.nh@afac.com.vn;
hainam74@gmail.com

Ông Nguyễn Trung Dũng CPA

Phó Tổng Giám đốc

Mobile: 0917 705 379

Email: dungnt.afa@gmail.com

Ông Lê Huy Đông CPA

Trưởng phòng Tư vấn đào tạo

Mobile: 0944 322 988

Email: donglh.afa@gmail.com

Bà Nguyễn Thị Hiền Giang MBA, CPA

Phó phòng Tư vấn đào tạo

- phụ trách bản tin

Mobile: 0944 686 905

Email: hiengiang.afa@gmail.com

Các thông tin trên Bản tin AFA được chúng tôi cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo. Mặc dù đã cố gắng cung cấp thông tin một cách chính xác cụ thể nhất, việc áp dụng các thông tin này trong các trường hợp cụ thể có thể không hoàn toàn phù hợp, do đó cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn của chúng tôi.

